



ENGLISH GRAMMAR 2 INTERMEDIATE LEVEL

Unit 15 – Past perfect (I had done)

tienganh



Past perfect (I had done)

CÁCH DÙNG VÀ CẤU TRÚC

A



Sarah and Paul went to the same party last week, but they didn't see each other. Paul left the party at 10.30 and Sarah arrived at 11 o'clock. So when Sarah arrived at the party, Paul wasn't there.

Sarah và Paul cùng tham dự một buổi tiệc tuần trước, nhưng họ đã không gặp nhau. Paul rời buổi tiệc lúc 10.30 còn Sarah đến 11.00 mới tới. Như vậy, lúc Sarah tới buổi tiệc, Paul không còn ở đó nữa.

He had gone home.

Cậu ấy đã về nhà.

had gone được chia ở thì quá khứ hoàn thành (past perfect)

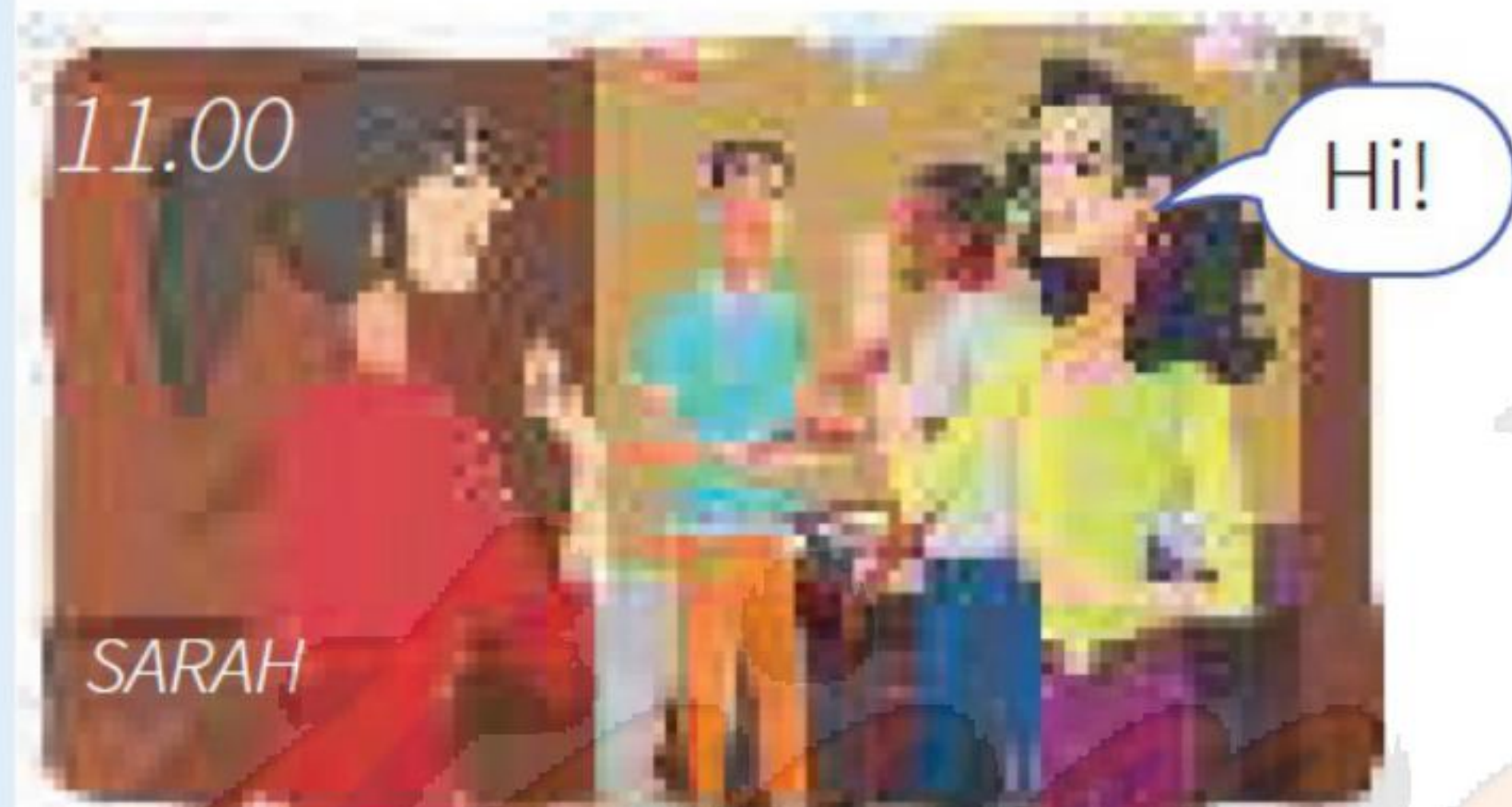
I, We		(= I'd, We'd)	gone
You	had	(= You'd)	seen
They, He, She, It		(= They'd, He'd, She'd, It'd...)	finished

Subject + had + past participle
(Chủ ngữ) + had + quá khứ phân từ

Past perfect (I had done)

CÁCH DÙNG VÀ CẤU TRÚC

A



- Sometimes we talk about something that happened in the past:
Thỉnh thoảng, chúng ta nói về một việc gì đó xảy ra trong quá khứ
Sarah arrived at the party.
- This is the starting point of the story. Then, if we want to talk about things that happened before this time, we use the past perfect (had ...):
Đây là điểm khởi đầu của câu chuyện. Kể đến, nếu muốn nói về những việc xảy ra trước thời điểm đó, chúng ta dùng thì quá khứ hoàn thành (had + pp) để diễn tả những sự việc đó:

When Sarah arrived at the party, Paul had already gone home.

By the time Sarah arrived at the party, Paul had already left.

* Mệnh đề trạng ngữ chỉ thời gian với “**by the time**” thường được dùng kèm với mệnh đề chính ở thì quá khứ hoàn thành.

- EX1: When we got home last night, we found that somebody **had broken** into the flat.
- EX2: Karen didn't come to the cinema with us. She'd **already seen** the movie.
- EX3: At first I thought I'd **done** the right thing, but I soon realised that I'd **made** a big mistake.
- EX4: The people sitting next to me on the plane were nervous. They **hadn't flown** before. (or They'd never **flown** before.)

Past perfect (I had done)

CÁCH DÙNG VÀ CẤU TRÚC

B

Present perfect



have seen

Past
Quá khứ

Now
Bây giờ

- EX5A: Who is that woman? I've seen her before, but I can't remember where.
- EX6A: We aren't hungry. We've just had lunch.
- EX7A: The house is dirty. They haven't cleaned it for weeks.

Past perfect



had seen

Past
Quá khứ

Now
Bây giờ

- EX5B: I wasn't sure who she was. I'd seen her before, but I couldn't remember where.
- EX6B: We weren't hungry. We'd just had lunch.
- EX7B: The house was dirty. They hadn't cleaned it for weeks.

Past perfect (I had done)

THÌ QUÁ KHỨ ĐƠN V.S QUÁ KHỨ HOÀN THÀNH

C

Simple past

- EX 8A: A: **Was** Tom there when you arrived?
B: Yes, but he **left** soon afterwards.
- EX 9A: Kate **wasn't** at home when I phoned.
She **was** at her mother's house.

Past perfect

- EX 8B: A: **Was** Tom there when you arrived?
B: No, he'd **already left**.
- EX 9B: Kate **had** just **got** home when I phoned.
She'd **been** at her mother's house.

Past perfect (I had done)

CÁCH DÙNG VÀ CẤU TRÚC

Select the option which best completes the sentences below:

Somebody sang a song. You didn't know it.

(I / not / hear / it / before) I _____.

- A. never hear it before
- B. have never heard it before
- C. never heard it before
- D. 'd never heard it before

Past perfect (I had done)

CÁCH DÙNG VÀ CẤU TRÚC

1. **Thì quá khứ hoàn thành** diễn tả một hành động / sự việc xảy ra **trước** một hành động / sự việc / thời điểm khác **cũng ở trong quá khứ** (*When I arrived at the party, she'd already left.*)
2. Cấu trúc thì quá khứ hoàn thành là: **Subject + had + past participle**
3. **Thì hiện tại hoàn thành** nói về khoảng thời gian **từ quá khứ kéo dài đến hiện tại**; **Thì quá khứ hoàn thành** nói về khoảng **thời gian trong quá khứ kéo dài đến một thời điểm khác cũng trong quá khứ** (không liên quan gì đến hiện tại.) (*The people sitting next to me on the plane were nervous. They **hadn't flown** before.*)
4. **Thì quá khứ đơn** nói về hành động / sự việc xảy ra và kết thúc trong quá khứ một cách chung chung, không chỉ rõ thứ tự thời gian xảy ra của các hành động. **Thì quá khứ hoàn thành** nêu rõ thứ tự thời gian xảy ra của hành động / sự việc (của thì quá khứ hoàn thành) diễn ra trước hành động / sự việc khác cũng ở trong quá khứ.